TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 6 năm 2024
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà M Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi N Hồng

2. Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà*:* Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

N đơn: Anh Cầm Văn N, sinh năm 1990. Địa chỉ: Bản C, xã N3, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị La Thị N2, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản C, xã N3, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, N đơn anh Cầm Văn N trình bày như sau:

Anh và chị La Thị N2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N3, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 7/10/2015 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. N nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, bất đồng dẫn đến rạn nứt về tình cảm, ngày càng trầm trọng nên không

thể hàn gắn được. Đến năm 2023, chị N2 đã bỏ đi làm nên anh chị đã sống ly thân từ đó đến đến nay. Nay anh xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N2.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Cầm Ngọc M, sinh ngày 06/8/2015 và cháu Cầm Tấn S, sinh ngày 23/01/2020. Hiện tại, hai cháu đang ở với anh trong thời gian anh chị ly thân. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung và không đề nghị chị N2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh chị đã tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến của bị đơn gửi Tòa án, chị La Thị N2 có ý kiến như sau:

Chị và anh Cầm Văn N kết hôn từ năm 2015 trên cơ sở tự nguyện do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc. Anh chị đã đi đăng ký kết hôn tại UBND xã N3, huyện Mai Sơn vào ngày 7/10/2015 và được hai bên gia đình đồng ý. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. N nhân là do anh chị không cùng quan điểm sống, tích cách khác biệt không thể hòa hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Sau khi được gia đình hòa giải nhưng không thành nên chị đã quyết định đi làm công nhân tại Hưng Yên và sống ly thân được khoảng thời gian dài. Về vấn đề ly hôn, anh chị đã bàn bạc thống nhất thuận tình ly hôn nhưng do chị không xin nghỉ được nên đề nghị Tòa án Mai Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung là cháu Cháu Cầm Ngọc M, sinh ngày 06/8/2015 và cháu Cầm Tấn S, sinh ngày 23/01/2020. Từ khi chị đi làm xa, cả hai cháu đều ở cùng với bố. Anh chị thống nhất khi ly hôn, cả hai cháu do anh N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục do hiện tại chị đang đi làm. Chị không cấp dưỡng định kỳ, nhưng sẽ cấp dưỡng theo khả năng nên không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh chị đã tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác M theo quy định về tình trạng hôn nhân, N nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung và tài sản chung, nợ chung của anh N và chị N2. Do chị N2 không có mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với N đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay N đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Cầm Văn N và chị La Thị N2. Về con chung: Giao cháu Cầm Ngọc M, sinh ngày 06/8/2015 và cháu Cầm Tấn S, sinh ngày 23/01/2020 cho anh Cầm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận anh N không yêu cầu chị N2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Miễn án phí xin ly hôn cho N đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Cầm Văn N có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với chị La Thị N2, địa chỉ tại: bản C, xã N3, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự, N đơn và bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Cầm Văn N và chị La Thị N2.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của N đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Anh Cầm Văn N và chị La Thị N2 tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2015, anh chị đã được UBND xã N3, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 7/10/2015. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị đều cho rằng N nhân mâu thuẫn là do không cùng quan điểm sống, không thể hòa hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Sau khi được gia đình hòa giải, anh chị không thể hàn gắn được nên chị N2 đã đi làm xa từ năm 2023 và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không thể quay lại chung sống, anh N và chị N2 đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Qua xác M tại ban quản lý bản C, xã N3, huyện

Mai Sơn được biết: Chị N2 và anh N đăng ký hộ khẩu tại bản C nhưng hiện nay chị N2 đã đi làm xa, vợ chồng không sống cùng nhau từ năm 2023. Khi Ban quản lý bản liên hệ với chị N2 để hòa giải, chị N2 từ chối với lý do không thể hàn gắn tình cảm. N nhân mâu thuẫn của anh chị là do mâu thuẫn về lối sống, anh N đi công tác còn chị N2 làm nông nghiệp, hai bên không thấu hiểu cho nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N2 và anh N đều đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn, khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Cầm Văn N, xử cho anh N được ly hôn với chị La Thị N2.

[2.2] Về con chung: Chị N2 và anh N xác nhận có 02 con chung là Cầm Ngọc M, sinh ngày 06/8/2015 và Cầm Tấn S, sinh ngày 23/01/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều thống nhất trường hợp ly hôn, anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cả hai con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị N2 và anh N đã thống nhất với nhau về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn. Tại biên bản xác M tại Ban quản lý Bản C thể hiện, từ thời điểm ly thân đến nay, các con chung ở cùng với anh N, chị N2 đi làm xa, thỉnh thoảng về thăm con. Tại biên bản ghi ý kiến của con chung trên 07 tuổi chưa thành niên, cháu M có nguyện vọng được ở cùng với bố. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị N2 và anh N, giao cháu Cầm Ngọc M, sinh ngày 06/8/2015 và cháu Cầm Tấn S, sinh ngày 23/01/2020 cho anh Cầm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N cam đoan đủ điều kiện nuôi dưỡng cả hai con chung, không đề nghị chị N2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Chị N2 xác định không có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ. Qua xác M thể hiện anh N đang công tác tại Trạm y tế xã N3. Ngoài ra, anh còn có thêm thu nhập từ nông nghiệp và gia đình anh có giúp đỡ anh chăm sóc các con chưa thành niên. Do đó, cần ghi nhận việc anh N không yêu cầu chị N2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Anh N và chị N2 thống nhất xác nhận đã tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không xem xét, trường hợp phát sinh tranh chấp và có người yêu cầu thì có quyền khởi kiện vằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Anh N xin miễn án phí theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy, anh N hiện đang cư trú tại Bản C, xã N3, huyện Mai Sơn, là vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326, cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 81, 82, 83,110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 56, Điều 81, 82 và 83, 60 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Cầm Văn N và chị La Thị N2.

2. Về con chung: Giao cháu Cầm Ngọc M, sinh ngày 06/8/2015 và cháu Cầm Tấn S, sinh ngày 23/01/2020 cho anh Cầm Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận anh Cầm Văn N không yêu cầu chị La Thị N2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Sau khi ly hôn, chị N2 được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Cầm Văn N được miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về việc xin ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: N đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự.
- UBND xã N3, huyện Mai Sơn;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà M Quân